TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LONG THÀNHĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: 151/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 9 - 2024
V/v: " *Tranh chấp ly hôn* ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

2. Ông Lê Hoàng Quy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa***: Ông Lê Trọng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc: "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Tổ G, ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.
- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T, anh S vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày : Chị và anh Nguyễn Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai thường xuyên cãi vã, có nhiều mâu thuẫn phát sinh. Anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Sau nhiều

lần suy nghĩ chị nhận thấy nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với anh S cũng không còn hạnh phúc vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/4/2013.

Sau ly hôn chị T yêu cầu anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2024 bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai vào năm 2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có nhiều tranh cãi do hai người không hợp với nhau, anh chị đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn anh đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/4/2013.

Sau ly hôn anh đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Anh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng P cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn S. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp được xác định là "Tranh chấp ly hôn".

Anh Nguyễn Văn S là bị đơn trong vụ án hiện đang cư trú tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 08, Quyển số 01 cấp ngày 16/01/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị T yêu cầu xin ly hôn anh S vì mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết, hàn gắn được. Anh S đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện chị T và anh S đều thừa nhận đã ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không bàn bạc đoàn tụ được, chị T xin ly hôn, anh S cũng đồng ý thuận tình, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, xử cho chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/4/2013.

Chị T yêu cầu anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng P, anh S đồng ý. Cháu Nguyễn Trọng P đã trên 07 tuổi, qua tham khảo ý kiến của cháu P có nguyện vọng được ở với anh S và bà nội. Vì vậy giao cháu P cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Anh Sen nuôi con không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung : Các đương sự khai không có nên không xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T, xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn S.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng P, sinh ngày 12/4/2013 cho anh Nguyễn Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Nguyễn Thị Bích T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015992 ngày 21/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
-TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự.
-Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Liên